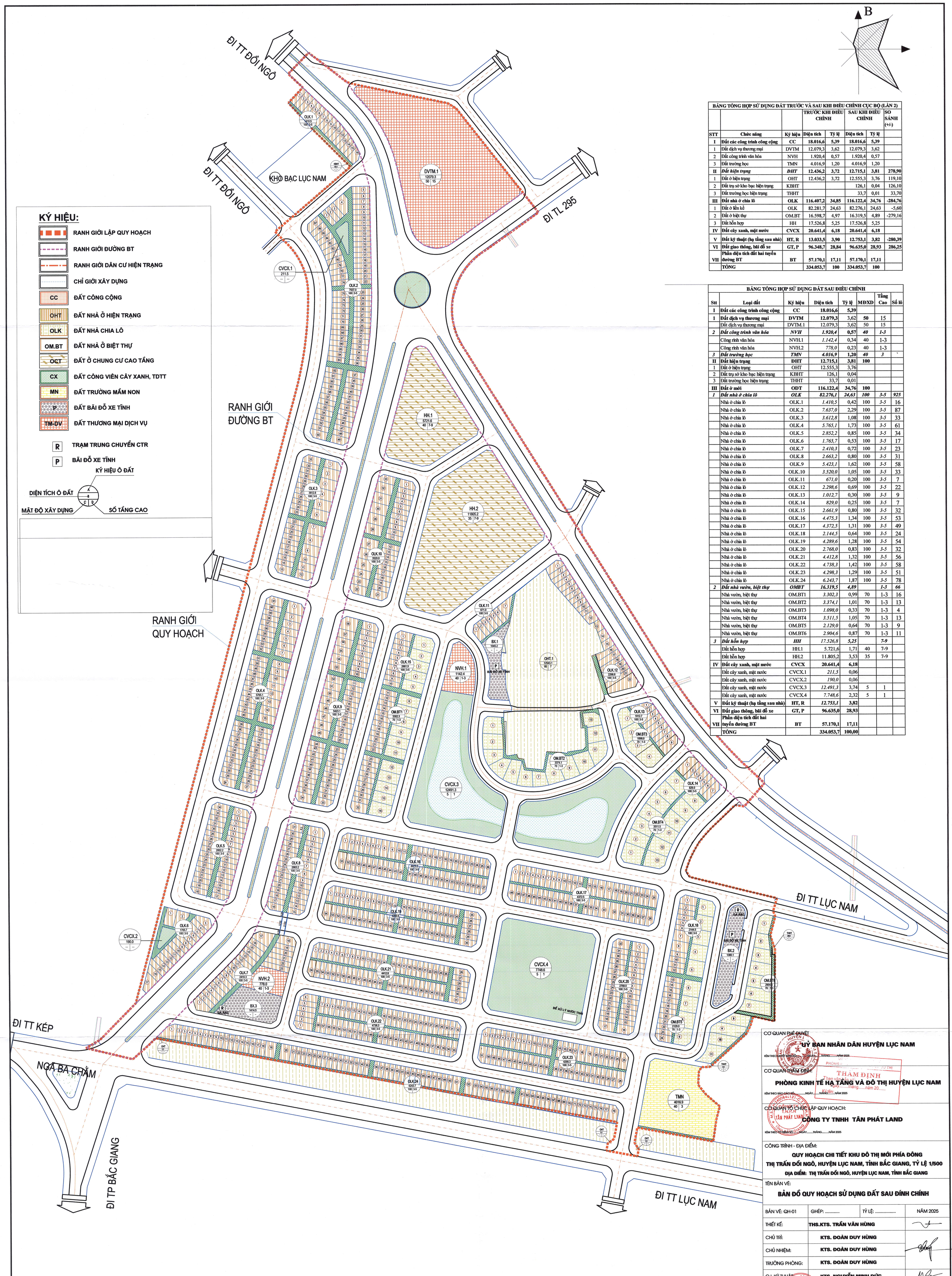

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- RANH GIỚI ĐƯỜNG BT
- RANH GIỚI DÂN CƯ HIỆN TRẠNG
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- CC — ĐẤT CÔNG CỘNG
- OHT — ĐẤT NHÀ Ở HIỆN TRẠNG
- OLK — ĐẤT NHÀ CHIA LÔ
- OM.BT — ĐẤT NHÀ Ở BIỆT THỰ
- OCT — ĐẤT Ở CHUNG CƯ CAO TẦNG
- CX — ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH, TDTT
- MN — ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON
- P — ĐẤT BÃI ĐỖ XE TĨNH
- TM-DV — ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- R — TRẠM TRUNG CHUYỂN CTR
- P — BÃI ĐỖ XE TĨNH

KÝ HIỆU Ô ĐẤT
DIỆN TÍCH Ô ĐẤT
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG
SỐ TẦNG CAO

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC VÀ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ (LẦN 2)

STT	Chức năng	Ký hiệu	TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH Diện tích	Tỷ lệ	SAU KHI ĐIỀU CHỈNH Diện tích	Tỷ lệ	SO SÁNH (+/-)
I	**Đất các công trình công cộng**	**CC**	**18.016,6**	**5,39**	**18.016,6**	**5,39**	
1	Đất dịch vụ thương mại	DVTM	12.079,3	3,62	12.079,3	3,62	
2	Đất công trình văn hóa	NVH	1.920,4	0,57	1.920,4	0,57	
3	Đất trường học	TMN	4.016,9	1,20	4.016,9	1,20	
II	***Đất hiện trạng***	***ĐHT***	**12.436,2**	**3,72**	**12.715,1**	**3,81**	**278,90**
1	Đất ở hiện trạng	OHT	12.436,2	3,72	12.555,3	3,76	119,10
2	Đất trụ sở kho bạc hiện trạng	KBHT			126,1	0,04	126,10
3	Đất trường học hiện trạng	THHT			33,7	0,01	33,70
III	**Đất nhà ở chia lô**	**OLK**	**116.407,2**	**34,85**	**116.122,4**	**34,76**	**-284,76**
1	Đất ở liền kề	OLK	82.281,7	24,63	82.276,1	24,63	-5,60
2	Đất ở biệt thự	OM.BT	16.598,7	4,97	16.319,5	4,89	-279,16
3	Đất hỗn hợp	HH	17.526,8	5,25	17.526,8	5,25	
IV	**Đất cây xanh, mặt nước**	**CVCX**	**20.641,4**	**6,18**	**20.641,4**	**6,18**	
V	**Đất kỹ thuật (hạ tầng sau nhà)**	**HT, R**	**13.033,5**	**3,90**	**12.753,1**	**3,82**	**-280,39**
VI	**Đất giao thông, bãi đỗ xe**	**GT, P**	**96.348,7**	**28,84**	**96.635,0**	**28,93**	**286,25**
VII	**Phần diện tích đất hai tuyến đường BT**	**BT**	**57.170,1**	**17,11**	**57.170,1**	**17,11**	
	TỔNG		**334.053,7**	**100**	**334.053,7**	**100**	

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT SAU ĐIỀU CHỈNH

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	MĐXD	Tầng Cao	Số lô
I	**Đất các công trình công cộng**	**CC**	**18.016,6**	**5,39**			
1	**Đất dịch vụ thương mại**	**DVTM**	**12.079,3**	3,62	**50**	15	
	Đất dịch vụ thương mại	DVTM.1	12.079,3	3,62	50	15	
2	***Đất công trình văn hóa***	***NVH***	***1.920,4***	**0,57**	***40***	***1-3***	
	Công rình văn hóa	NVH.1	*1.142,4*	0,34	40	1-3	
	Công rình văn hóa	NVH.2	*778,0*	0,23	40	1-3	
3	***Đất trường học***	***TMN***	***4.016,9***	**1,20**	***40***	***3***	`
II	**Đất hiện trạng**	**ĐHT**	**12.715,1**	**3,81**	**100**		
1	Đất ở hiện trạng	OHT	12.555,3	3,76			
2	Đất trụ sở kho bạc hiện trạng	KBHT	126,1	0,01			
3	Đất trường học hiện trạng	THHT	33,7	0,01			
III	**Đất ở mới**	**ODT**	**116.122,4**	**34,76**	**100**		
1	***Đất nhà ở chia lô***	***OLK***	***82.276,1***	***24,63***	***100***	***3-5***	***925***
	Nhà ở chia lô	OLK.1	*1.410,5*	0,42	100	*3-5*	16
	Nhà ở chia lô	OLK.2	*7.637,0*	2,29	100	*3-5*	87
	Nhà ở chia lô	OLK.3	*3.612,8*	1,08	100	*3-5*	33
	Nhà ở chia lô	OLK.4	*5.765,1*	1,73	100	*3-5*	61
	Nhà ở chia lô	OLK.5	*2.852,2*	0,85	100	*3-5*	34
	Nhà ở chia lô	OLK.6	*1.765,7*	0,53	100	*3-5*	17
	Nhà ở chia lô	OLK.7	*2.410,3*	0,72	100	*3-5*	23
	Nhà ở chia lô	OLK.8	*2.663,2*	0,80	100	*3-5*	31
	Nhà ở chia lô	OLK.9	*5.423,1*	1,62	100	*3-5*	58
	Nhà ở chia lô	OLK.10	*3.520,0*	1,05	100	*3-5*	33
	Nhà ở chia lô	OLK.11	*671,0*	0,20	100	*3-5*	7
	Nhà ở chia lô	OLK.12	*2.298,6*	0,69	100	*3-5*	22
	Nhà ở chia lô	OLK.13	*1.012,7*	0,30	100	*3-5*	9
	Nhà ở chia lô	OLK.14	*829,0*	0,25	100	*3-5*	7
	Nhà ở chia lô	OLK.15	*2.661,9*	0,80	100	*3-5*	32
	Nhà ở chia lô	OLK.16	*4.475,3*	1,34	100	*3-5*	53
	Nhà ở chia lô	OLK.17	*4.372,5*	1,31	100	*3-5*	49
	Nhà ở chia lô	OLK.18	*2.144,5*	0,64	100	*3-5*	24
	Nhà ở chia lô	OLK.19	*4.289,6*	1,28	100	*3-5*	54
	Nhà ở chia lô	OLK.20	*2.768,0*	0,83	100	*3-5*	32
	Nhà ở chia lô	OLK.21	*4.412,8*	1,32	100	*3-5*	56
	Nhà ở chia lô	OLK.22	*4.738,3*	1,42	100	*3-5*	58
	Nhà ở chia lô	OLK.23	*4.298,3*	1,29	100	*3-5*	51
	Nhà ở chia lô	OLK.24	*6.243,7*	1,87	100	*3-5*	78
2	***Đất nhà vườn, biệt thự***	***OMBT***	***16.319,5***	***4,89***		***1-3***	***66***
	Nhà vườn, biệt thự	OM.BT1	*3.302,3*	0,99	70	1-3	16
	Nhà vườn, biệt thự	OM.BT2	*3.374,1*	1,01	70	1-3	13
	Nhà vườn, biệt thự	OM.BT3	*1.098,0*	0,33	70	1-3	4
	Nhà vườn, biệt thự	OM.BT4	*3.511,5*	1,05	70	1-3	13
	Nhà vườn, biệt thự	OM.BT5	*2.129,0*	0,64	70	1-3	9
	Nhà vườn, biệt thự	OM.BT6	*2.904,6*	0,87	70	1-3	11
3	***Đất hỗn hợp***	***HH***	*17.526,8*	***5,25***		***7-9***	
	Đất hỗn hợp	HH.1	5.721,6	1,71	40	7-9	
	Đất hỗn hợp	HH.2	11.805,2	3,53	35	7-9	
IV	**Đất cây xanh, mặt nước**	**CVCX**	**20.641,4**	**6,18**			
	Đất cây xanh, mặt nước	CVCX.1	*211,5*	0,06			
	Đất cây xanh, mặt nước	CVCX.2	*190,0*	0,06			
	Đất cây xanh, mặt nước	CVCX.3	*12.491,3*	3,74	5	1	
	Đất cây xanh, mặt nước	CVCX.4	*7.748,6*	2,32	5	1	
V	**Đất kỹ thuật (hạ tầng sau nhà)**	**HT, R**	***12.753,1***	**3,82**			
VI	**Đất giao thông, bãi đỗ xe**	**GT, P**	**96.635,0**	**28,93**			
VII	**Phần diện tích đất hai tuyến đường BT**	**BT**	**57.170,1**	**17,11**			
	TỔNG		**334.053,7**	**100,00**			

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2025

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ HUYỆN LỤC NAM
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ:.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2025
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
CÔNG TY TNHH TÂN PHÁT LAND
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÍA ĐÔNG
THỊ TRẤN ĐỒI NGÔ, HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/500
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN ĐỒI NGÔ, HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU ĐÍNH CHÍNH

BẢN VẼ: QH-01	GHÉP:	TỶ LỆ:	NĂM 2025
THIẾT KẾ:	**THS.KTS. TRẦN VĂN HÙNG**		
CHỦ TRÌ:	**KTS. ĐOÀN DUY HÙNG**		
CHỦ NHIỆM:	**KTS. ĐOÀN DUY HÙNG**		
TRƯỞNG PHÒNG:	**KTS. ĐOÀN DUY HÙNG**		
Q.L KỸ THUẬT:	**KTS. NGUYỄN MINH ĐỨC**		

PHÓ GIÁM ĐỐC:
KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3528989